

Số: /SNN- KHTC

Quảng Trị, ngày tháng năm 2024

V/v Hướng dẫn tạm thời thực hiện một số chỉ tiêu, tiêu chí thuộc bộ tiêu chí xã đạt chuẩn nông thôn mới, xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, huyện nông thôn mới nâng cao được sửa đổi bổ sung tại Quyết định số 211/QĐ-TTg ngày 01 tháng 3 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ do Trung ương quy định giai đoạn 2021-2025

Kính gửi: Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã.

Thực hiện Quyết định số 211/QĐ-TTg ngày 01 tháng 3 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi một số chỉ tiêu của Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới, Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới nâng cao, Bộ tiêu chí quốc gia về huyện nông thôn mới và Bộ tiêu chí quốc gia về huyện nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021 - 2025; bổ sung tiêu chí huyện nông thôn mới đặc thù, không có đơn vị hành chính cấp xã giai đoạn 2021 - 2025; trong thời gian chờ các Bộ, ngành Trung ương hướng dẫn các chỉ tiêu, tiêu chí; để có cơ sở cho các địa phương thực hiện đánh giá, thẩm tra, thẩm định xã, huyện đạt chuẩn nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn tạm thời đánh giá thực hiện một số tiêu chí, chỉ tiêu xã nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao, huyện nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025 do Sở Nông nghiệp và PTNT phụ trách, cụ thể như sau:

A. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN MỘT SỐ TIÊU CHÍ, CHỈ TIÊU THUỘC BỘ TIÊU CHÍ VỀ XÃ NÔNG THÔN MỚI TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH GIAI ĐOẠN 2021-2025

I. Chỉ tiêu 13.1. Xã có hợp tác xã hoạt động hiệu quả và theo đúng quy định của Luật Hợp tác xã, hoặc xã có tổ hợp tác hoạt động hiệu quả, theo đúng quy định của pháp luật và có hợp đồng hợp tác, tiêu thụ sản phẩm chủ lực của địa phương.

1. Chỉ tiêu quy định

Tên tiêu chí	Nội dung các chỉ tiêu	Chỉ tiêu chung	Chỉ tiêu theo vùng	
			Các xã đặc biệt khó khăn, xã an toàn khu thuộc huyện Đakrông	Các xã còn lại

Tiêu chí số 13- Tổ chức sản xuất và phát triển kinh tế nông thôn	13.1. Xã có hợp tác xã hoạt động hiệu quả và theo đúng quy định của Luật Hợp tác xã, hoặc xã có tổ hợp tác hoạt động hiệu quả, theo đúng quy định của pháp luật và có hợp đồng hợp tác, tiêu thụ sản phẩm chủ lực của địa phương.	Đạt	Đạt	Đạt
--	---	-----	-----	-----

2. Phương pháp đánh giá:

a) Giải thích từ ngữ

- Tổ hợp tác là tổ chức không có tư cách pháp nhân, được hình thành trên cơ sở hợp đồng hợp tác, gồm từ 02 cá nhân, pháp nhân trở lên tự nguyện thành lập, cùng đóng góp tài sản, công sức để thực hiện những công việc nhất định, cùng hưởng lợi và cùng chịu trách nhiệm.

- Hợp đồng hợp tác do các thành viên tổ hợp tác tự thỏa thuận, được lập thành văn bản, có chữ ký của một trăm phần trăm (100%) thành viên tổ hợp tác. Nội dung hợp đồng hợp tác không được trái với quy định của luật có liên quan, bao gồm các nội dung: Mục đích, thời hạn hợp tác; họ, tên, nơi cư trú của cá nhân; tên, trụ sở của pháp nhân; tài sản đóng góp (nếu có); đóng góp bằng sức lao động (nếu có); phương thức phân chia hoa lợi, lợi tức; quyền, nghĩa vụ của thành viên hợp đồng hợp tác; quyền, nghĩa vụ của người đại diện (nếu có); điều kiện tham gia và rút khỏi hợp đồng hợp tác của thành viên (nếu có); điều kiện chấm dứt hợp đồng.

b) Phương pháp đánh giá

Xã có hợp tác xã hoạt động hiệu quả và theo đúng quy định của Luật Hợp tác xã, hoặc xã có tổ hợp tác hoạt động hiệu quả, theo đúng quy định của pháp luật và có hợp đồng hợp tác, tiêu thụ sản phẩm chủ lực của địa phương khi đáp ứng một trong các yêu cầu sau:

b.1) Xã có hợp tác xã hoạt động hiệu quả và theo đúng quy định của Luật Hợp tác xã:

- Xã đạt chỉ tiêu 13.1 khi có ít nhất 01 HTX đạt các yêu cầu sau:
 - + Tổ chức, hoạt động theo quy định của Luật Hợp tác xã hiện hành;
 - + Có ít nhất 01 loại dịch vụ cơ bản, thiết yếu theo đặc điểm từng địa phương, phục vụ thành viên hợp tác xã và người dân trên địa bàn;
 - + Được đánh giá, xếp loại khá trở lên (hoặc trung bình trở lên đối với hợp tác xã thành lập dưới 03 năm) theo quy định tại Thông tư 01/2020/TT-BKHĐT

ngày 19/02/2020 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn phân loại và đánh giá hợp tác xã và các văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có);

+ Có quy mô thành viên theo quy định của Luật HTX hiện hành.

b.2) Xã có tổ hợp tác hoạt động hiệu quả, theo đúng quy định của pháp luật và có hợp đồng hợp tác, tiêu thụ sản phẩm chủ lực của địa phương khi đáp ứng các điều kiện sau:

- Trên địa bàn xã có ít nhất 01 tổ hợp tác hoạt động theo quy định tại Nghị định 77/2019/NĐ-CP ngày 10/10/2019 của Chính phủ về Tổ hợp tác.

- Trong năm tổ hợp tác có phát sinh doanh thu, có lợi nhuận, có hợp đồng hợp tác, tiêu thụ sản phẩm chủ lực của xã.

3. Các văn bản địa phương cần cung cấp khi thẩm định, xét, công nhận đạt chuẩn.

a) Đối với trường hợp xã có hợp tác xã hoạt động hiệu quả và theo đúng quy định của Luật Hợp tác xã:

- Bản sao điều lệ HTX theo Luật HTX hiện hành đã được Đại hội thành viên HTX thông qua;

- Bản sao giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã;

- Danh sách thành viên hợp tác xã;

- Phiếu đánh giá xếp loại HTX theo quy định tại Thông tư 01/2020/TT-BKHĐT ngày 19/02/2020 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn phân loại và đánh giá hợp tác xã và các văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có) được cơ quan quản lý nhà nước về HTX cấp huyện thẩm định, đánh giá và phân loại.

b) Đối với trường hợp xã có tổ hợp tác hoạt động hiệu quả, theo đúng quy định của pháp luật và có hợp đồng hợp tác, tiêu thụ sản phẩm chủ lực của địa phương

- Bản sao giấy thông báo thành lập tổ hợp tác;

- Bản sao hợp đồng hợp tác;

- Báo cáo tình hình hoạt động của tổ hợp tác;

- Bản sao hợp đồng của tổ hợp tác về việc tiêu thụ sản phẩm chủ lực của xã (còn hiệu lực đến thời điểm thẩm định hồ sơ);

- Quyết định công nhận sản phẩm chủ lực của xã.

B. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN MỘT SỐ TIÊU CHÍ, CHỈ TIÊU THUỘC BỘ TIÊU CHÍ VỀ XÃ NÔNG THÔN MỚI NÂNG CAO TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH GIAI ĐOẠN 2021-2025

I. Chỉ tiêu 3.2, 3.4 thuộc Tiêu chí số 3 – Thủy lợi và phòng chống thiên tai

1. Chỉ tiêu quy định

Tên tiêu chí	Nội dung các chỉ tiêu	Chỉ tiêu	Chỉ tiêu theo vùng	
			Các xã ĐBK, xã an toàn khu thuộc huyện Đakrông	Các xã còn lại
Thủy lợi và phòng chống thiên tai	3.2. Tổ chức thủy lợi cơ sở (nếu có) hoạt động hiệu quả	≥ 1	Đạt	Đạt
	3.4. Tỷ lệ công trình thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng được bảo trì hàng năm	100%	Đạt	Đạt

2. Phương pháp đánh giá

2.1. Chỉ tiêu 3.2. Tổ chức thủy lợi cơ sở (nếu có) hoạt động hiệu quả

a) Giải thích từ ngữ:

Tổ chức thủy lợi cơ sở là tổ chức của những người sử dụng sản phẩm, dịch vụ thủy lợi cùng hợp tác đầu tư xây dựng hoặc quản lý, khai thác công trình thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng.

b) Phương pháp đánh giá

Có ít nhất 01 tổ chức thủy lợi cơ sở hoạt động hiệu quả, bền vững khi đáp ứng các yêu cầu sau:

- Tổ chức thủy lợi cơ sở đảm bảo về pháp lý, năng lực theo quy định của Luật Thủy lợi, cụ thể:

+ HTX được thành lập và hoạt động theo Luật Hợp tác xã (có giấy đăng ký thành lập HTX); tổ hợp tác được thành lập và hoạt động theo Nghị định số 77/2019/NĐ-CP ngày 10/10/2019 của Chính phủ về tổ hợp tác (có hợp đồng hợp tác và gửi thông báo tới UBND cấp xã nơi thành lập).

+ Có điều lệ hoặc quy chế hoạt động dịch vụ thủy lợi được trên 50% số thành viên của tổ chức thủy lợi cơ sở thông qua và UBND cấp xã xác nhận.

+ Toàn bộ người sử dụng sản phẩm, dịch vụ thủy lợi là thành viên của tổ chức thủy lợi cơ sở.

+ Tổ chức bộ máy, người vận hành của tổ chức thủy lợi cơ sở đảm bảo đáp ứng năng lực theo quy định.

- Có số điểm đánh giá hoạt động hiệu quả, bền vững đạt từ 70 điểm trở lên, thông qua các chỉ tiêu sau

- + Chỉ tiêu 1: Thực hiện kế hoạch cấp, tưới, tiêu và thoát nước.
 - + Chỉ tiêu 2: Thực hiện bảo dưỡng, sửa chữa công trình thủy lợi.
 - + Chỉ tiêu 3: Quản lý tài chính
 - + Chỉ tiêu 4: Thực hiện đa dịch vụ.
 - + Chỉ tiêu 5: Mức độ hài lòng của thành viên đối với tổ chức thủy lợi cơ sở.
- Cách xác định điểm số các chỉ tiêu đánh giá hoạt động hiệu quả, bền vững của tổ chức TLCS như sau:

TT	Chỉ tiêu đánh giá	Điểm tối đa	Cách xác định điểm số
1	Thực hiện kế hoạch cấp, tưới, tiêu và thoát nước	30	
1.1	Lập kế hoạch cấp, tưới, tiêu và thoát nước	10	<p>a) Đối với tổ chức TLCS quản lý công trình thủy lợi nội đồng trong công trình thủy lợi do các tổ chức khai thác thủy lợi cấp huyện, cấp tỉnh quản lý:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có lập kế hoạch cấp, tưới, tiêu và thoát nước theo mùa, vụ hoặc theo năm; ký Hợp đồng với tổ chức cung cấp sản phẩm, dịch vụ thủy lợi; thông báo lịch cấp, tưới, tiêu và thoát nước cho người sử dụng sản phẩm, dịch vụ thủy lợi: 5 điểm. - Có ký hợp đồng, nhưng không lập kế hoạch cấp, tưới, tiêu và thoát nước: 2 điểm. - Không ký hợp đồng: 0 điểm. <p>b) Đối với tổ chức TLCS quản lý công trình thủy lợi nhỏ độc lập:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có lập kế hoạch cấp, tưới, tiêu và thoát nước, thông báo lịch cấp, tưới, tiêu, thoát nước cho người sử dụng sản phẩm dịch vụ thủy lợi: 5 điểm. - Có lập kế hoạch cấp, tưới, tiêu và thoát nước, không thông báo lịch cấp, tưới, tiêu cho người sử dụng sản phẩm dịch vụ thủy lợi: 0 điểm.

TT	Chỉ tiêu đánh giá	Điểm tối đa	Cách xác định điểm số
1.2	Tỉ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới, tiêu chủ động (T)	20	vụ thủy lợi: 2 điểm. - Không lập kế hoạch cấp, tưới, tiêu và thoát nước: 0 điểm. $T \geq 90\%$: 20 điểm. $80\% \leq T < 90\%$: 15 điểm. Cách xác định T ($T_{\text{tưới}}$, $T_{\text{tiêu}}$, T_k) theo khoản 1 phần I Mục I Chương I Hướng dẫn này.
2	Thực hiện bảo dưỡng, sửa chữa công trình thủy lợi	30	
2.1	Lập kế hoạch bảo dưỡng, sửa chữa công trình thủy lợi	5	- Có lập kế hoạch bảo dưỡng, sửa chữa công trình hàng năm: 5 điểm. - Không lập: 0 điểm.
2.2	Thực hiện kế hoạch bảo dưỡng, sửa chữa công trình thủy lợi	20	- Đạt 100% theo kế hoạch: 20 điểm. - Đạt từ 70% đến dưới 100% theo kế hoạch: 15 điểm. - Đạt từ 50% đến dưới 70% theo kế hoạch: 10 điểm. - Đạt dưới 50% theo kế hoạch: 0 điểm.
2.3	Lập và thực hiện phương án bảo vệ công trình	5	- Có lập và thực hiện phương án bảo vệ công trình; không để xảy ra vi phạm trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi: 5 điểm. - Để xảy ra vi phạm trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi: 0 điểm.
3	Quản lý tài chính	20	
3.1	Lập kế hoạch tài chính	5	- Có lập kế hoạch tài chính, trong đó có kế hoạch thu-chi hàng năm cho dịch vụ thủy lợi thông qua hội nghị thường niên: 5 điểm. - Không thực hiện: 0 điểm.

TT	Chỉ tiêu đánh giá	Điểm tối đa	Cách xác định điểm số
3.2	Thực hiện kế hoạch tài chính đối với dịch vụ thủy lợi	10	<p>Khả năng chủ động tài chính (TC) đối với dịch vụ thủy lợi được xác định như sau:</p> $TC = \frac{\text{Nguồn thu của tổ chức TLCS}}{\text{Chi phí theo kế hoạch}}$ <p>- Nguồn thu của tổ chức TLCS bao gồm: Đóng góp của các tổ chức, cá nhân sử dụng sản phẩm, dịch vụ thủy lợi (phí thủy lợi nội đồng, đóng góp xây dựng, sửa chữa công trình...), kinh phí hỗ trợ sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi của nhà nước và các tổ chức, cá nhân khác đầu tư (nếu có).</p> <p>- Chi phí theo kế hoạch bao gồm chi trả tiền sản phẩm, dịch vụ thủy lợi theo quy định, chi các hoạt động quản lý, vận hành, bảo dưỡng, xây dựng, sửa chữa công trình thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng.</p> <p>TC ≥ 1: 10 điểm. 0,7 ≤ TC < 1: 7 điểm. 0,5 ≤ TC < 0,7: 5 điểm. TC < 0,5: 0 điểm.</p>
3.3	Thực hiện quyết toán, công khai tài chính theo quy định	5	<p>- Có thực hiện: 5 điểm. - Không thực hiện: 0 điểm.</p>
4	Thực hiện đa dịch vụ	10	
4.1	Phát triển các sản phẩm dịch vụ khác	7	<p>- Có thực hiện các sản phẩm dịch vụ khác như: Cấp nước nông thôn, điện... hoặc tham gia chuỗi cung ứng sản phẩm, dịch vụ: 7 điểm. - Không thực hiện: 0 điểm.</p>

TT	Chỉ tiêu đánh giá	Điểm tối đa	Cách xác định điểm số
4.2	Ứng dụng khoa học công nghệ trong xây dựng, quản lý công trình thủy lợi	3	- Có ứng dụng một trong các công nghệ trong xây dựng; biện pháp canh tác tiên tiến, tiết kiệm nước; sử dụng một số thiết bị thông minh để theo dõi, giám sát hoặc điều khiển vận hành công trình thủy lợi...: 3 điểm. - Không thực hiện: 0 điểm.
5	Mức độ hài lòng của thành viên	10	Là điểm tổng hợp bình quân của các phiếu đánh giá mức độ hài lòng của thành viên (Phiếu đánh giá theo Phụ lục 1 kèm theo Hướng dẫn này).
	Tổng cộng	100	

Ghi chú:

- Tổ chức TLCS đạt loại tốt khi có tổng số điểm đạt từ 90 điểm trở lên.
- Tổ chức TLCS đạt loại khá khi có tổng số điểm đạt từ 80 điểm đến dưới 90 điểm.
- Tổ chức TLCS đạt loại trung bình khi có tổng số điểm đạt từ 70 điểm đến dưới 80 điểm.
- Tổ chức TLCS đạt loại kém khi có tổng số điểm đạt dưới 70 điểm.

(Chi tiết hướng dẫn bảng thống kê theo Phụ lục 1 đính kèm)

2.2. Chỉ tiêu 3.4: Tỷ lệ công trình thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng được bảo trì hàng năm

a) Giải thích từ ngữ:

- Kiểm tra công trình là việc xem xét bằng trực quan hoặc sử dụng thiết bị chuyên dụng để phát hiện các dấu hiệu hư hỏng nhằm đánh giá hiện trạng của công trình, máy móc, thiết bị.

- Bảo dưỡng công trình thủy lợi là hoạt động đơn giản, phải làm hàng ngày hoặc thường xuyên, sử dụng lao động, vật liệu để duy trì sự hoạt động bình thường của công trình và máy móc, thiết bị.

- Sửa chữa thường xuyên công trình thủy lợi là công việc có tính chất thường xuyên hằng năm, khắc phục những hư hỏng công trình và máy móc, thiết bị nhằm chống xuống cấp, không dẫn đến hư hỏng lớn hơn, bảo đảm hoạt động bình thường của tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi.

- Sửa chữa định kỳ là hoạt động theo chu kỳ, khắc phục hư hỏng lớn, thay thế một số bộ phận quan trọng hết tuổi thọ, nếu không được sửa chữa có khả

năng gây mất an toàn, hạn chế năng lực phục vụ của công trình và máy móc, thiết bị.

- Sửa chữa đột xuất là hoạt động khẩn cấp khắc phục sự cố, hư hỏng của công trình, máy móc, thiết bị do tác động của mưa, gió, bão, lũ, ngập lụt, úng, động đất, va đập, cháy, nổ hoặc những tác động đột xuất khác.

b) Phương pháp đánh giá:

Có 100% số công trình thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng được bảo trì hàng năm khi đáp ứng các yêu cầu sau:

- Tất cả các tổ chức thủy lợi cơ sở trên địa bàn xã có lập kế hoạch bảo trì các công trình thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng hàng năm.

Kế hoạch bảo trì thể hiện một số công việc như: Kiểm tra, bảo dưỡng, sửa chữa thường xuyên, sửa chữa định kỳ các hạng mục công trình thủy lợi, trong đó có dự kiến về thời gian, kinh phí, hình thức tổ chức thực hiện.

- Tổ chức thực hiện kế hoạch bảo trì đảm bảo đạt 100% so với kế hoạch:

+ Có báo cáo kết quả thực hiện kiểm tra thường xuyên, trước và sau mùa mưa, kiểm tra ngay sau khi có mưa, lũ lớn.

+ Có hồ sơ thể hiện việc sử dụng lao động, vật liệu thực hiện bảo dưỡng các hạng mục theo kế hoạch.

+ Các hạng mục công trình được sửa chữa thường xuyên, sửa chữa định kỳ đạt 100% so với kế hoạch: Có hồ sơ lưu thể hiện việc sửa chữa theo đúng quy định của pháp luật về đầu tư xây dựng hoặc theo cơ chế đặc thù trong quản lý đầu tư xây dựng đối với một số dự án thuộc các chương trình MTQG giai đoạn 2021-2025.

+ Các sự cố, hư hỏng của công trình, máy móc thiết bị bị ảnh hưởng tác động bởi thiên tai (nếu có) được xử lý sửa chữa đột xuất kịp thời (có hồ sơ chứng minh). *(Chi tiết hướng dẫn bảng thống kê theo Phụ lục 2 đính kèm)*

II. Chỉ tiêu 13.3. Có mô hình kinh tế ứng dụng công nghệ cao, hoặc mô hình quản lý sức khỏe cây trồng tổng hợp (IPHM), hoặc mô hình nông nghiệp áp dụng cơ giới hóa các khâu, hoặc mô hình liên kết theo chuỗi giá trị gắn với đảm bảo an toàn thực phẩm.

1. Chỉ tiêu quy định

Tên tiêu chí	Nội dung các chỉ tiêu	Chỉ tiêu chung	Chỉ tiêu theo vùng	
			Các xã đặc biệt khó khăn, xã an toàn khu thuộc huyện Đakrông	Các xã còn lại
Tiêu chí số 13- Tổ chức	13.3. Có mô hình kinh tế ứng dụng công nghệ	≥ 1	≥ 1	≥ 1

sản xuất và phát triển kinh tế nông thôn	cao, hoặc mô hình quản lý sức khỏe cây trồng tổng hợp (IPHM), hoặc mô hình nông nghiệp áp dụng cơ giới hóa các khâu, hoặc mô hình liên kết theo chuỗi giá trị gắn với đảm bảo an toàn thực phẩm			
--	---	--	--	--

2. Phương pháp đánh giá

a) Giải thích từ ngữ

- Nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao: Là nền nông nghiệp được áp dụng những công nghệ mới vào sản xuất, bao gồm: công nghiệp hóa nông nghiệp (cơ giới hóa các khâu của quá trình sản xuất), tự động hóa, công nghệ thông tin, công nghệ vật liệu mới, công nghệ sinh học và các giống cây trồng, giống vật nuôi có năng suất và chất lượng cao, đạt hiệu quả kinh tế cao trên một đơn vị diện tích và phát triển bền vững trên cơ sở canh tác hữu cơ

- Cơ giới hóa nông nghiệp: Là việc áp dụng máy, thiết bị, công nghệ để thực hiện các công việc trong quá trình sản xuất nông nghiệp (trước, trong và sau thu hoạch) nhằm thay thế lao động thủ công, tăng năng suất, chất lượng sản phẩm và bảo vệ tài nguyên, môi trường.

- Chuỗi giá trị là một chuỗi các hoạt động của các bên để tạo nên một sản phẩm (dịch vụ) từ giai đoạn sản xuất, chế biến đến tiêu dùng. Dọc theo chuỗi này giá trị sản phẩm (dịch vụ) cũng tăng lên.

- An toàn thực phẩm là việc bảo đảm để thực phẩm không gây hại đến sức khỏe, tính mạng con người.

- Quản lý sức khỏe cây trồng tổng hợp (IPHM): Quản lý sức khỏe cây trồng tổng hợp (IPHM): Quản lý sức khỏe cây trồng tổng hợp là một hệ thống quản lý cây trồng mà các biện pháp tác động dựa trên nền tảng môi trường cụ thể (đất, nước, thời tiết, SVGH, sinh vật có ích, ...) nhằm giảm thiểu những tác động gây bất lợi cho cây trồng, nhằm phát huy yếu tố nội tại của cây trồng, ngăn chặn sự bùng phát của SVGH đồng thời nâng cao được giá trị sản phẩm, bảo vệ môi trường sinh thái và gia tăng đa dạng sinh học

b) Phương pháp đánh giá

Có mô hình kinh tế ứng dụng công nghệ cao, hoặc mô hình quản lý sức khỏe cây trồng tổng hợp (IPHM), hoặc mô hình nông nghiệp áp dụng cơ giới hóa các khâu, hoặc mô hình liên kết theo chuỗi giá trị gắn với đảm bảo an toàn thực phẩm khi đáp ứng một trong các yêu cầu sau:

b.1) Có mô hình kinh tế ứng dụng công nghệ cao khi đáp ứng một trong các điều kiện sau:

- Có Khu nông nghiệp công nghệ cao được cơ quan nhà nước có thẩm quyền thành lập hoặc phê duyệt.

- Có Doanh nghiệp nông nghiệp được cấp Giấy chứng nhận doanh nghiệp công nghệ cao.

- Mô hình kinh tế có quy mô phù hợp đặc điểm phát triển kinh tế của địa phương và đầu tư sản xuất để tạo ra các sản phẩm có chất lượng, tính năng vượt trội, giá trị gia tăng cao, thân thiện với môi trường, cụ thể có ít nhất một trong các nội dung sau:

+ Trong Trồng trọt:

Sản xuất giống và ứng dụng rộng rãi các giống cây trồng mới có năng suất cao, chất lượng tốt và khả năng chống chịu cao, tập trung vào các đối tượng cây trồng chủ lực phục vụ cho an ninh lương thực, xuất khẩu và thay thế nhập khẩu.

Sản xuất các sản phẩm nông nghiệp có chất lượng, an toàn và hiệu quả cao áp dụng quy trình quản lý cây trồng tổng hợp (ICM), VietGAP, tập trung vào các loại cây lương thực, cây thực phẩm, cây ăn quả, cây công nghiệp.

Sản xuất rau an toàn, hoa cao cấp trong nhà lưới, nhà kính.

Nhân giống và sản xuất nấm ăn và nấm dược liệu quy mô tập trung.

Sản xuất và ứng dụng các chế phẩm sinh học, các bộ kit chẩn đoán bệnh, các loại phân bón thế hệ mới trong trồng trọt và bảo vệ cây trồng nông nghiệp.

Ứng dụng công nghệ tưới tiết kiệm nước cho cây trồng.

+ Trong chăn nuôi:

Sản xuất giống vật nuôi mới (gia cầm, lợn, bò) có năng suất, chất lượng cao.

Chăn nuôi gia cầm, lợn, bò quy mô công nghiệp.

Ứng dụng các chế phẩm sinh học, các loại thức ăn chăn nuôi, vắc-xin, bộ kit mới trong chăn nuôi và phòng trừ dịch bệnh.

+ Trong lâm nghiệp:

Nhân nhanh và sản xuất giống quy mô công nghiệp một số giống cây trồng lâm nghiệp mới, như: Keo lai, bạch đàn bằng công nghệ mô, hom. Trồng rừng kinh tế theo phương pháp thâm canh.

Ứng dụng công nghệ viễn thám, hệ thống thông tin địa lý, hệ thống định vị toàn cầu trong quản lý và bảo vệ rừng.

+ Trong thủy sản:

Nhân nhanh và sản xuất giống thủy sản có năng suất, chất lượng cao, tập trung vào một số đối tượng thủy sản chủ yếu, như: Tôm sú, tôm thẻ chân trắng, các loại cá nước ngọt, cá biển có giá trị cao, nhuyễn thể hai mảnh vỏ.

Nuôi thâm canh, siêu thâm canh, tự động kiểm soát và xử lý môi trường bằng các công nghệ tiên tiến (chemicalflog, biofloc, lọc sinh học...) trong nuôi trồng một số loài thủy sản, như: Cá, tôm.

Sản xuất thức ăn, các loại thuốc phòng trị bệnh thủy sản, sản xuất các bộ kit chẩn đoán nhanh bệnh trên các đối tượng nuôi thủy sản.

Ứng dụng công nghệ viễn thám và hệ thống thông tin địa lý để quy hoạch, quản lý và khai thác nguồn lợi hải sản, các vùng nuôi trồng thủy sản.

+ Trong chế biến, bảo quản:

Sản xuất và ứng dụng các chế phẩm sinh học, các chất phụ gia thiên nhiên, các chất màu để bảo quản và chế biến nông, lâm, thủy sản.

Xây dựng và mở rộng mô hình bảo quản, chế biến sâu các sản phẩm nông sản.

Ứng dụng công nghệ tiên tiến trong bảo quản và chế biến gỗ; vật liệu và công nghệ nano để nâng cao độ bền cơ học, độ bền sinh học của gỗ rừng trồng; sản xuất vật liệu mới dạng bio-composite từ gỗ và thực vật có sợi.

Xây dựng và mở rộng mô hình bảo quản dài ngày sản phẩm thủy sản trên tàu cá; chế biến các sản phẩm thủy sản có giá trị gia tăng cao.

+ Trong cơ điện, tự động hóa, sản xuất vật tư, máy móc, thiết bị: Tự động hoặc bán tự động trong trồng trọt (nhân giống và sản xuất rau, hoa), chăn nuôi (lợn, gà, bò), thủy sản (sản xuất giống và nuôi thâm canh cá, tôm).

b.2) Có mô hình quản lý sức khỏe cây trồng tổng hợp (IPHM) khi đáp ứng các điều kiện sau:

- Hoàn thành ít nhất 1 lớp huấn luyện IPHM cho nông dân; - Có ít nhất 1 mô hình ứng dụng IPHM trên cây trồng (với quy mô ít nhất 02ha/mô hình);

b.3) Có mô hình nông nghiệp áp dụng cơ giới hóa đồng bộ các khâu khi đáp ứng các điều kiện sau:

- Mô hình nông nghiệp có quy mô phù hợp đặc điểm phát triển kinh tế của địa phương, căn cứ vào từng loại hình sản xuất cây trồng, vật nuôi mà có các khâu cơ giới hóa khác nhau.

- Mô hình nông nghiệp áp dụng cơ giới hóa đồng bộ các khâu được đánh giá là đạt khi điểm trung bình các khâu lớn hơn hoặc bằng 65 điểm.

- Việc đánh giá điểm của từng tiêu chí dựa trên mức độ cơ giới hóa đạt được của khâu sản xuất tương ứng. Ví dụ: Khâu sản xuất có mức độ cơ giới hóa đạt được 85% thì điểm đánh giá đạt được tương ứng của khâu đó sẽ là 85 điểm.

- Chi tiết các khâu cho từng loại mô hình sản xuất cụ thể như sau:

+ Trồng trọt:

TT	Tên tiêu chí đánh giá	Điểm đánh giá	Điểm tối đa
1	Làm đất		100
2	Gieo, trồng		100

TT	Tên tiêu chí đánh giá	Điểm đánh giá	Điểm tối đa
3	Tươi, tiêu chủ động		100
4	Chăm sóc		100
5	Thu hoạch		100
	Trung bình		100

+ Lâm nghiệp:

TT	Tên tiêu chí đánh giá	Điểm đánh giá	Điểm tối đa
1	Làm đất		100
2	Gieo, trồng		100
3	Xử lý thực bì		100
4	Chăm sóc		100
5	Khai thác		100
	Trung bình		100

+ Chăn nuôi:

TT	Tên tiêu chí đánh giá	Điểm đánh giá	Điểm tối đa
1	Cung cấp nước, thức ăn		100
2	Điều tiết tiểu khí hậu chuồng nuôi		100
3	Vệ sinh chuồng trại		100
4	Xử lý chất thải chăn nuôi		100
	Trung bình		100

+ Thủy sản:

TT	Tên tiêu chí đánh giá	Điểm đánh giá	Điểm tối đa
1	Cấp, thoát nước		100
2	Kiểm soát môi trường		100

3	Chăm sóc		100
4	Xử lý môi trường		100
	Trung bình		100

+ Diêm nghiệp:

TT	Tên tiêu chí đánh giá	Điểm đánh giá	Điểm tối đa
1	Cấp, tiêu nước sản xuất muối		100
2	Thu hoạch muối		100
3	Gom muối trên đồng		100
4	Vận chuyển		100
5	Sơ chế, bảo quản muối		100
	Trung bình		100

b.4) Có liên kết theo chuỗi giá trị gắn với đảm bảo an toàn thực phẩm khi đáp ứng các điều kiện sau:

- Trên địa bàn xã có mô hình liên kết sản xuất và tiêu thụ nông sản chủ lực dựa trên hợp đồng liên kết ổn định tối thiểu là một (01) chu kỳ sản xuất đối với cây lâm nghiệp, hai (02) chu kỳ nuôi, trồng, khai thác đối với các sản phẩm nông nghiệp khác và được sản xuất theo quy trình và chất lượng thống nhất giữa các bên tham gia liên kết.

- Sản phẩm mô hình liên kết được cấp giấy chứng nhận đảm bảo an toàn thực phẩm hoặc tương đương còn hiệu lực

3. Các văn bản địa phương cần cung cấp khi thẩm định, xét, công nhận đạt chuẩn

a) Đối với trường hợp có mô hình kinh tế ứng dụng CNC

- Đối với địa phương có khu nông nghiệp công nghệ cao được cơ quan nhà nước có thẩm quyền thành lập hoặc phê duyệt: Quyết định thành lập Khu nông nghiệp công nghệ cao.

- Đối với địa phương có Doanh nghiệp nông nghiệp được cấp Giấy chứng nhận doanh nghiệp công nghệ cao: Giấy chứng nhận doanh nghiệp công nghệ cao.

- Đối với địa phương có Mô hình kinh tế có quy mô phù hợp đặc điểm phát triển kinh tế của địa phương và đầu tư sản xuất để tạo ra các sản phẩm có chất lượng, tính năng vượt trội, giá trị gia tăng cao, thân thiện với môi trường: Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh của mô hình, trong đó cần có các

minh chứng thể hiện được mô hình có quy mô phù hợp với định hướng phát triển kinh tế của địa phương, (phù hợp với Nghị quyết, kế hoạch phát triển kinh tế, xã hội của địa phương), về quy trình, công nghệ sản xuất, chứng nhận hệ thống quản lý chất lượng, hồ sơ tự công bố, tiêu chuẩn sản phẩm... thể hiện được sản phẩm của mô hình có chất lượng, tính năng vượt trội, giá trị gia tăng cao, thân thiện với môi trường, có xác nhận của chính quyền cấp xã.

b) Đối với trường hợp có mô hình quản lý sức khỏe cây trồng tổng hợp (IPHM):

- Giấy chứng nhận hoàn thành khóa đào tạo IPHM của học viên do cơ quan có thẩm quyền cấp, báo cáo tổng kết lớp học;

- Báo cáo kết quả mô hình ứng dụng IPHM.

c) Đối với trường hợp có mô hình áp dụng cơ giới hóa các khâu

- Biên bản xác nhận của UBND xã về mức độ cơ giới hóa của các khâu sản xuất cho từng loại mô hình.

d) Đối với trường hợp có mô hình liên kết theo chuỗi giá trị gắn với bảo đảm an toàn thực phẩm

- Bản sao chụp hợp đồng liên kết sản xuất và tiêu thụ nông sản chủ lực tối thiểu 01 chu kỳ sản xuất đối với cây lâm nghiệp, 02 chu kỳ nuôi, trồng, khai thác đối với các sản phẩm nông nghiệp khác và được sản xuất theo quy trình và chất lượng thống nhất giữa các bên tham gia liên kết; Hợp đồng liên kết tiêu thụ còn hiệu lực tại thời điểm xét công nhận;

- Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm/hoặc tương đương (Hệ thống phân tích mối nguy và điểm kiểm soát tới hạn (HACCP), Hệ thống quản lý an toàn thực phẩm ISO 22000, Tiêu chuẩn thực phẩm quốc tế (IFS), tiêu chuẩn toàn cầu về an toàn thực phẩm (BRC), Chứng nhận hệ thống an toàn thực phẩm (FSSC 22000), chứng nhận hữu cơ, VIETGAP, GMP...) hoặc bản cam kết sản xuất, kinh doanh thực phẩm an toàn (đối với các cơ sở không thuộc diện cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đảm bảo an toàn thực phẩm) còn hiệu lực đối với sản phẩm mô hình liên kết.

C. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN MỘT SỐ TIÊU CHÍ, CHỈ TIÊU THUỘC BỘ TIÊU CHÍ HUYỆN NÔNG THÔN MỚI NÂNG CAO TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH GIAI ĐOẠN 2021-2025

Chỉ tiêu 3.1 thuộc Tiêu chí số 3: Các công trình thủy lợi do huyện quản lý được bảo trì, nâng cấp:

1. Chỉ tiêu quy định

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu
1	Thủy lợi và Phòng chống thiên tai	Các công trình thủy lợi do huyện quản lý được bảo	Đạt

		trì, nâng cấp	
--	--	---------------	--

2. Phương pháp đánh giá

Chỉ tiêu 3.1 được đánh giá đạt khi có tổng điểm đánh giá ở bảng sau từ 70 điểm trở lên (trong đó các chỉ tiêu đánh giá 4, 5, 7 không bị 0 điểm).

Chỉ tiêu đánh giá	Điểm tối đa	Cách xác định
1. Lập kế hoạch bảo trì, nâng cấp công trình thủy lợi do huyện quản lý	10	- Có lập kế hoạch bảo trì công trình thủy lợi bao gồm một số hoặc toàn bộ các công việc kiểm tra, quan trắc, kiểm định, bảo dưỡng, sửa chữa thường xuyên, sửa chữa định kỳ; có danh mục công trình bảo trì, danh mục công trình nâng cấp (nếu có); dự kiến kinh phí, nguồn vốn, thời gian và biện pháp tổ chức thực hiện: 5÷10 điểm. - Không lập: 0 điểm.
2. Thực hiện kiểm tra công trình	10	- Có báo cáo thực hiện kiểm tra thường xuyên, kiểm tra trước và sau mùa mưa, kiểm tra ngay sau khi có mưa, lũ lớn đầy đủ: 10 điểm. - Có báo cáo nhưng chưa đầy đủ: 05 điểm. - Không thực hiện: 0 điểm.
3. Thực hiện bảo dưỡng công trình	10	- Kết quả thực hiện bảo dưỡng đạt: + 100% theo kế hoạch: 10 điểm. + Từ 70% đến dưới 100% theo kế hoạch: 5 điểm + <70% theo kế hoạch: 0 điểm. (Có hồ sơ thể hiện việc sử dụng lao động, vật liệu thực hiện bảo dưỡng các hạng mục công trình để minh chứng)
4. Thực hiện sửa chữa	20	- Kết quả thực hiện sửa chữa đạt: + 100% theo kế hoạch: 20 điểm. + Từ 70% đến dưới 100% theo kế hoạch: 10 điểm. + <70% theo kế hoạch: 0 điểm. Các hạng mục công trình sửa chữa thường xuyên, sửa chữa định kỳ đảm bảo khắc phục kịp thời những hư hỏng của công trình, máy móc

		<p>thiết bị, kênh mương được nạo vét thông thoáng, công trình thủy lợi hoạt động bình thường; các sự cố, hư hỏng của công trình, máy móc thiết bị bị ảnh hưởng tác động bởi thiên tai được xử lý sửa chữa đột xuất kịp thời</p> <p>(Có hồ sơ thể hiện việc sửa chữa theo đúng quy định của pháp luật về đầu tư xây dựng hoặc theo cơ chế đặc thù trong quản lý đầu tư xây dựng đối với một số dự án thuộc các chương trình MTQG giai đoạn 2021-2025)</p>
5. Thực hiện nâng cấp công trình	20	<p>Tỷ lệ thực hiện nâng cấp công trình (T) được tính bằng số công trình thực tế được nâng cấp trên tổng số công trình cần nâng cấp theo kế hoạch.</p> <p>$T \geq 90\%$: 20 điểm. $70\% \leq T < 90\%$: 15 điểm. $50\% \leq T < 70\%$: 10 điểm. $T < 50\%$: 0 điểm.</p> <p>(Có hồ sơ biên bản nghiệm thu hoàn thành công trình để minh chứng)</p>
6. Có ít nhất 1 công trình thủy lợi áp dụng khoa học công nghệ trong quản lý, khai thác	10	<p>- Có lắp đặt một trong các thiết bị theo dõi, giám sát, thu thập dữ liệu hoặc điều khiển từ xa. Các thiết bị giám sát các thông số: Mực nước, lượng mưa, độ mở cửa tràn, độ mở cửa cống; thiết bị điều khiển từ xa vận hành đóng mở cửa cống/cửa van/hệ thống tưới thông minh...: 10 điểm.</p> <p>- Không có: 0 điểm.</p>
7. Cơ sở dữ liệu kết cấu hạ tầng thủy lợi của huyện được tích hợp, cập nhật thường xuyên trên phần mềm cơ sở dữ liệu tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi của tỉnh	20	<p>- Có tích hợp đầy đủ: 20 điểm. - Có tích hợp nhưng chưa đầy đủ: 10 điểm. - Chưa tích hợp: 0 điểm.</p>
Tổng điểm	100	

Trên đây là Hướng dẫn tạm thời thực hiện một số tiêu chí, chỉ tiêu xã nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao, huyện nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025

được sửa đổi bổ sung tại Quyết định số 211/QĐ-TTg ngày 1/3/2024 của Thủ tướng Chính phủ do Sở Nông nghiệp và PTNT phụ trách. Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc đề nghị các địa phương kịp thời có báo cáo về Sở Nông nghiệp và PTNT./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (báo cáo);
- Như trên;
- Giám đốc, các PGĐ Sở;
- Các cơ quan, đơn vị thuộc Sở;
- VPĐP NTM tỉnh;
- Lưu: VT, KHTC.

GIÁM ĐỐC

Hồ Xuân Hòe

Phụ lục**CÁC BIỂU MẪU HƯỚNG DẪN**

(Kèm theo Công văn số: /SNN-KHTC ngày tháng năm 2024

1. Biểu mẫu số 1. Mẫu phiếu đánh giá mức độ hài lòng của thành viên đối với tổ chức thủy lợi cơ sở

Tên thành viên:

Địa chỉ:

Điện thoại:

TT	Chỉ tiêu	Điểm số					Nhận xét
		1	2	3	4	5	
1	Cung cấp thông tin cho thành viên, gồm: lịch tưới tiêu, kế hoạch bảo dưỡng, sửa chữa thường xuyên, kế hoạch tài chính, công khai minh bạch tài chính						
2	Thực hiện cấp, tưới, tiêu và thoát nước đầy đủ, kịp thời, công bằng, đảm bảo chất lượng nước phục vụ sản xuất hoặc sinh hoạt (nếu có).						
	Cộng điểm đánh giáđiểm					

....., ngày..... tháng..... năm

Thành viên ký và ghi rõ họ tên

Ghi chú:

- Các thành viên tổ chức TLCS căn cứ vào tình hình hoạt động của tổ chức đánh giá từng chỉ tiêu trong phiếu đánh giá theo mức độ hài lòng của thành viên đối với tổ chức TLCS bằng cách đánh dấu (x) vào ô điểm số tương ứng với số điểm tăng dần theo mức độ hài lòng (từ thấp nhất là 1 điểm đến cao nhất là 5 điểm) đối với từng chỉ tiêu đánh giá. Nếu có ý kiến đánh giá bổ sung thì ghi vào cột nhận xét.

- Phiếu đánh giá hợp lệ là phiếu đánh giá đủ cả 2 chỉ tiêu, mỗi chỉ tiêu chỉ đánh dấu 01 ô điểm. Trường hợp tổng số điểm không khớp với điểm chi tiết thì được tính lại tổng theo số điểm chi tiết chấm.

Ghi chú:

- Thống kê toàn bộ các vi phạm phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn huyện bao gồm các công trình do huyện quản lý và công trình do tỉnh, Bộ quản lý nhưng đi qua địa bàn huyện.
- Các vi phạm gây cản trở dòng chảy bao gồm: hành vi trồng rau, cắm đặng đố, chát chà, các hình thức đánh bắt khác, ngâm tre, luồng, nứa, lá, gỗ hoặc tạo các vật cản khác gây cản trở dòng chảy;
- Các vi phạm đổ rác thải, chất thải vào công trình thủy lợi với khối lượng từ 0,5 m³ trở lên;
- Vi phạm Quy định về bảo vệ an toàn gồm:
 - + Lấn chiếm đất trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi để làm lều, quán, bãi đậu xe;
 - + Xây dựng nhà ở, công trình phụ, cầu, kè, bến bốc dỡ hàng hóa, nơi sản xuất, bãi chứa vật liệu trái phép trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi;
 - + Khai thác đất, đá, cát, sỏi và các vật liệu xây dựng trái phép trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi.
 - + Xây dựng lò gạch, lò vôi, chuồng trại để chăn nuôi gia súc, gia cầm trái phép;
 - + Nuôi trồng thủy sản trái phép;
 - + Phá dỡ, xê dịch trái phép mốc chỉ giới, biển báo của công trình thủy lợi; tự ý đầu nối kênh, đường ống dẫn nước;
 - + Trồng cây lâu năm, nghiên cứu khoa học trái phép;
 - + Xây dựng trái phép đường ống dẫn dầu, cấp thoát nước, hệ thống cấp điện, cấp thông tin và các công trình khác;
 - + Khoan, đào điều tra, khảo sát địa chất; khoan, đào thăm dò, thi công công trình khai thác nước dưới đất;
 - + khoan, đào thăm dò, khai thác khoáng sản trái phép;
 - + Chôn chất thải trái phép;
 - + Tổ chức các hoạt động du lịch, thể thao hoặc các dịch vụ khác với mục đích kinh doanh trái phép;
 - + Tự ý dỡ bỏ hoặc lắp công trình thủy lợi;
- Vi phạm về điều khiển phương tiện giao thông bao gồm các hành vi: điều khiển xe cơ giới, xe máy chuyên dùng vượt quá mức quy định về tải trọng cho phép khi đi qua công trình thủy lợi; Điều khiển xe cơ giới, xe máy chuyên dùng đi qua công trình thủy lợi khi không được phép đi qua; Điều khiển phương tiện thủy nội địa qua công trình thủy lợi gây hư hại công trình.
- Vi phạm quy định của giấy phép đối với hành vi hoạt động sai nội dung quy định trong mỗi loại giấy phép sau:
 - + Xây dựng công trình trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi;
 - + Xả nước thải vào công trình thủy lợi;
 - + Sử dụng chất nổ và các hoạt động gây nổ trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi.

- + Khoan, đào điều tra, khảo sát địa chất; khoan, đào thăm dò, thi công công trình khai thác nước dưới đất; khoan, đào thăm dò, khai thác khoáng sản và khoan, đào thăm dò, khai thác vật liệu xây dựng;
 - + Xây dựng kho, bến, bãi bốc dỡ; tập kết nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, vật tư, phương tiện;
 - + Chôn, lấp chất thải;
 - + Xây dựng các công trình ngầm, bao gồm: Đường ống dẫn dầu, cáp điện, cáp thông tin, đường ống cấp thoát nước;
 - + Tổ chức hoạt động kinh doanh, dịch vụ.
 - + Trồng cây lâu năm;
 - + Xây dựng chuồng trại chăn nuôi gia súc, gia cầm, nuôi trồng thủy sản;
 - + Nghiên cứu khoa học.
- Cột hình thức xử phạt, kiến nghị biện pháp xử lý: Thể hiện các hoạt động do UBND huyện đã thực hiện, làm cơ sở chấm điểm cho mục ii, iii của chỉ tiêu 3.2.